ĐỐI THOẠI HÒA GIẢI TÔN GIÁO Ở MIỀN NAM SAU THÁNG 11 NĂM 1963 QUA MỘT SỐ TÀI LIỆU LƯU TRỮ

NGÔ QUỐC ĐÔNG*

1. Bất bình đẳng tôn giáo và những hệ quả

Các dữ liệu lịch sử cho thấy, bản thân Ngô Đình Diệm cũng là người sùng đạo. Điều này càng làm gắn chặt thêm niềm tin của người Công giáo di cư vào một chế độ chống Cộng sản mà Ngô Đình Diệm theo đuổi. Nếu như người ta tìm yếu tố tôn giáo trong bộ máy hành chính thời Ngô Đình Diệm thì sẽ thấy phần lớn các sĩ quan quân đội hay nhân viên chủ chốt trong bộ máy công quyền ghi danh là người Công giáo (1). Bởi vậy trong thời kỳ Đệ Nhất Cộng Hòa tại miền Nam Việt Nam (1955-1963) dường như người ta thấy nổi bật hơn trong bức tranh đa dạng tôn giáo nơi đây là sự hiện diện của Công giáo, cho dù Công giáo không phải là tôn giáo lớn nhất tại miền Nam Việt Nam. Công giáo chỉ chiếm vị trí thứ hai, sau Phật giáo. Thời kỳ này, nhiều cuộc lễ lớn tại Nhà thờ Đức Bà Sài Gòn mà có sự hiện diện nhiều thành phần trong nội các chính phủ cũng như Tổng thống, cố vấn và phu nhân (2). Người ta có cảm giác Công giáo được bảo vệ an toàn bởi chính quyền tổng thống Ngô Đình Diệm.

Dù vậy sự tự do nào cũng có giới hạn. Sự ưu đãi của chính quyền Ngô Đình Diệm với người Công giáo cũng có cái giá của riêng nó. Tuy người Công giáo, nhất là các thành phần di cư gốc Bắc ở khu vực Bùi Chu, Phát Diệm đắc thế về mặt chính trị nhưng dường như không tạo lập được một xã hội Công giáo. Có nghĩa là họ luôn có khoảng cách với các tôn giáo khác, thậm chí họ bị phân biệt bởi cả nhóm đồng đạo miền Nam. Dường như cái phô trương, hay ồn ào về mặt chính trị qua việc ủng hộ Ngô Đình Diệm lại làm cho nhiều người Công giáo di cư cảm thấy bị cô lập và khó được đón nhận bởi các thành phần cư dân khác trong xã hội, trong đó có Phật giáo. Bản thân Ngô Đình Diệm cũng chỉ cho phép người Công giáo tự do trong việc phô trương thanh thế và ủng hộ ông. Trên thực tế, cá nhân ông và chính quyền của Ngô Đình Diệm rất kiểm soát những hành động chính trị của người Công giáo. Bằng chứng là vào năm 1956 Linh mục Nguyễn Văn Thu thành lập tờ báo mang tên *Đường Sống*. Ngay những số đầu *Đường Sống* đã có ý kiến góp ý với chính sách của Ngô Đình Diệm. Chỉ vài tháng sau tờ báo bị đình bản. Vào năm 1957, Linh mục Hồ Văn Vui, chính xứ nhà thờ Đức Bà, người có ảnh hưởng tới khối Công giáo gốc miền Nam đã bị chuyển đi ra họ đạo Tha La vùng biên giới xa xôi giáp Campuchia sau khi có bài giảng bị mật

*TS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

thám báo lại cho chính quyền Ngô Đình Diệm rằng "những lời của linh mục này giảng có tính chất phá rối cuộc trị an". Trước đó vào tháng 2-1957, Linh mục Hồ Văn Vui đã bị công an tới nhà điều tra vì một bài giảng liên quan đến chỉ trích việc bầu cử đại biểu quốc hội (3). Sau này, nhận định của nhóm trí thức Công giáo tại miền Nam khi bình luận về thái độ của người Công giáo dưới chế độ Ngô Đình Diệm cho rằng: Thời Ngô Đình Diệm, dù đa số người Công giáo ủng hộ ông nhưng vẫn có những thành phần đối lập, thường họ phản ứng ở dạng phê bình, chỉ trích về mặt lý thuyết và đường lối điều hành của ông (4).

Bởi vậy dù tự do, ủng hộ lập trường chống Cộng sản của Ngô Đình Diệm nhưng nhiều người Công giáo bị đóng khung trong giới hạn của tự do chính trị hay bày tỏ lập trường. Trên thực tế sự nắm quyền chính trị của Ngô Đình Diệm đã làm thỏa mãn giấc mơ của nhiều người Công giáo về một "ông vua" người Công giáo, chống Pháp, chống Cộng sản và đem lại sự ưu ái, tự do cho người Công giáo. Cũng phải nhấn mạnh thêm rằng, không phải sự im lặng hay thái độ ủng hộ Ngô Đình Diệm là những lựa chọn của tất cả người Công giáo miền Nam khi đó. Từ cuối thời Ngô Đình Diệm, trong số những người Công giáo miền Nam đã xuất hiện những tiếng nói phản biện về chính quyền hiện tại, về những gì mà chính quyền đó ứng xử với Công giáo. Người ta có thể thấy những nhen nhóm này ở nhóm Sống Đạo hay các tập trong bộ Nhận Định của Giáo sư Triết học người Công giáo Nguyễn Văn Trung.

Dù vậy, đã từ lâu, trong lòng chính quyền Ngô Đình Diệm luôn có những thế lực sẵn sàng thực hiện đảo chính khi có thời cơ thuận lợi. Được Chính phủ Mỹ bật đèn xanh, đầu tháng 4-1963, lực lượng phản đối gia đình Ngô Đình Diệm mà đứng đầu là Dương Văn Minh, Nguyễn Văn Kim, Trần Văn Đôn,... đã gặp gỡ, bàn thảo và âm mưu tiến hành một cuộc đảo chính lật đổ anh em Ngô Đình Diệm. Tuy nhiên, để thực hiện được âm mưu này, họ cũng phải tìm ra cho mình một cái cớ thích hợp. Lực lượng này biết rõ rằng chính quyền Ngô Đình Diệm được lòng những người Công giáo, nhất là Công giáo di dân rất ủng hộ, và ngược lại anh em Ngô Đình Diệm cũng có mối quan hệ, lợi ích rất khăng khít với những người Công giáo. Trong khi đó, tại miền Nam Việt Nam, trong khoảng mười lăm triệu người dân thì Phật giáo chiếm gần mười một triệu người với khoảng bốn triệu người hành đạo, số còn lại thờ cúng ông bà và có thiên hướng ủng hộ và theo Phật giáo. Giữa Phật giáo và Công giáo trong bản thân chính quyền Ngô Đình Diệm đã có sự phân biệt đối xử. Ở nhiều nơi, Phật giáo bị chính quyền đàn áp vì cho rằng đó là lực lượng ủng hộ và theo Cộng sản. Lợi dụng mâu thuẫn này, những người chủ xướng đảo chính đã cài bẫy và đẩy chính quyền Ngô Đình Diệm đi đến việc quyết định đàn áp các lực lượng Phật giáo vào đầu tháng 5-1963. Chính quyết định nôn nóng và sai lầm của Ngô Đình Diệm dẫn đến sự nổi dậy của toàn bộ tín đồ Phật giáo Việt Nam chống lại sự đàn áp của chính quyền Ngô Đình Diệm và cũng là hồi chuông báo trước sự sụp đổ hoàn toàn của chính quyền này (5).

Sự kiện đảo chính ngày 1-11-1963, lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm được cho là hậu quả của việc kỳ thị Phật giáo. Có thể đây chỉ là nguyên cớ dẫn đến cái chết của anh em Ngô Đình Diệm. Đúng hơn nó là cái kết của một chính sách độc tài và kiểm soát dẫn đến sự bất bình giữa các nhóm phái chính trị và tôn giáo ở miền Nam. Cũng có ý kiến cho rằng sự kiện cuối năm

1963 có sự can dự của tình báo Mỹ (CIA). Phía Mỹ, họ cảm thấy chính quyền Ngô Đình Diệm mà họ ủng hộ không đáp ứng kỳ vọng cho những ý đồ chính trị. Bởi vậy, họ phải tìm một nhà cầm quyền khác đáp ứng yêu cầu ngăn chặn sự ảnh hưởng của chủ nghĩa Cộng sản xuống miền Nam Việt Nam và mở rộng thêm sự ảnh hưởng của thế giới tư bản mà đứng đầu là Mỹ. Sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm năm 1963 đã làm thỏa mãn những phe phái chính trị, những tôn giáo đối lập với Công giáo. Riêng với nhiều người tín hữu, nhất là khối Công giáo di cư, dường như họ rơi vào trạng thái khủng hoảng sau chính biến này vì mất bệ đỡ chính trị.

Trước hết nhiều người Công giáo thấy họ mất đi những ưu đãi của chế độ và sau đó họ cảm thấy trở thành đối tượng của những cuộc thanh trừng sau đảo chính. Các tài liệu lưu trữ khi ấy cho biết có những cuộc truy bắt của chính phủ mới với những phần tử của Đảng Cần Lao, vốn là một Đảng chính trị trụ cột của chính phủ Ngô Đình Diệm trước 1963, được xây dựng trên học thuyết Nhân vị của Công giáo. Người ta cũng thấy các cuộc đốt phá những làng Công giáo ở bên kia sông Sài Gòn, phía Thủ Đức. Cùng với đó, sau đảo chính, nhiều cuộc tịch biên tài sản của Ngô Đình Diệm và gia đình được diễn ra liên tục (6).

Việc ủng hộ và theo đuổi một lập trường chống Cộng sản là thái độ chính trị phổ biến của nhiều người Công giáo miền Nam Việt Nam trước năm 1963. Tuy nhiên từ sau sự kiện đảo chính này, những phần tử trung thành và những thành phần nòng cốt trong những người Công giáo ủng hộ Ngô Đình Diệm cảm thấy lập trường chính trị mà họ đồng hành cùng chế độ bị sao nhãng và phai nhạt. Sự hời hợt trong lý tưởng chống Cộng sản trong chính phủ miền Nam sau đảo chính đã làm những thành phần cốt cán ủng hộ Ngô Đình Diệm cảm thấy bị hụt hẫng. Họ cho rằng chính phủ sau khi Ngô Đình Diệm bị lật độ trở nên yếu kém, dao động với lập trường này so với trước đó. Đây cũng là lý do mà các phong trào chính trị của người Công giáo nở rộ từ sau sự kiện 1963 kéo dài cho đến đầu năm 1967, thời điểm chính quyền Nguyễn Văn Thiệu ban hành Hiến pháp, thiết lập thời kỳ Đệ nhị Cộng hòa miền Nam Việt Nam (1967-1975).

Một điều mà nhiều người Công giáo miền Nam phải đối diện sau sự kiện đảo chính năm 1963 là họ bị rơi vào những cảm giác bất bình đẳng tôn giáo. Trước đây, người Công giáo giữ vai trò chính trị chủ chốt ở miền Nam Việt Nam thì nay không còn là sân chơi duy nhất của họ. Phật giáo đã trở thành một lực lượng chính trị nổi lên, được dư luận miền Nam Việt Nam và quốc tế biết đến sau một loạt vụ việc tự thiêu để phản đối chính sách của Ngô Đình Diệm từ giữa và cuối năm 1963. Phật giáo cũng được xem là nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm. Dù gì thì Công giáo vẫn chỉ chiếm khoảng 10% dân số Nam Bộ. Tỷ lệ phần lớn dân chúng vẫn là Phật giáo và những người cảm tình với Phật giáo. Bởi vậy khi Phật giáo kích hoạt tinh thần Phật tử phản đối chính sách qua nhiều vụ tuyệt thực, biểu tình đường phố đã tạo ra những làn sóng áp lực mạnh mẽ lên chính phủ sau thời Ngô Đình Diệm. Sự nổi lên của Phật giáo trong diễn đàn chính trị miền Nam Việt Nam sau 1963 đã làm cho người Công giáo cảm thấy lép vế và đôi khi họ bị kỳ thị, phân biệt đối xử. Sau sự kiện 1963, Phật giáo bị Công giáo coi như một đối thủ chính trị trong việc tạo ảnh hưởng, tạo dựng quyền lực với các chính thể miền Nam Việt Nam (7).

2. Vấn đề đối thoại hoà giải tôn giáo sau tháng 11 năm 1963

Sau sự kiện đảo chính tháng 11 năm 1963, bầu không khí chính trị, tôn giáo tại miền Nam Việt Nam nhất là khu vực Sài Gòn cực kỳ căng thẳng. Lúc bấy giờ đã xảy ra tình trạng e ngại, dè chừng nhau giữa Phật giáo và Công giáo ở miền Nam. Điều này làm cho chính trị miền Nam càng thêm xáo trộn. Đến cuối năm 1964 có lẽ cả Công giáo và Phật giáo đã nghĩ đến việc cần phải ngồi lại với nhau để tìm một giải pháp đối thoại hướng tới một sự chung sống hoà bình giữa các tôn giáo. Bởi lẽ sự công kích nhau giữa hai bên chỉ làm cho tình hình thêm phức tạp, căng thẳng, và tôn giáo càng bị lợi dụng vào các động cơ chính trị gây hại cho nhân dân và bản thân các tôn giáo. Trong một bức thư do Hòa thượng Thích Nhất Hạnh gửi từ Paris ngày 15-2-1967 cho Đỗ Mạnh Tri viết về bầu không khí nghi ngại sau sự kiện đảo chính cuối năm 1963 như sau: "Có những người Phật tử e ngại những xóm đạo. Sự e ngại đó được căn cứ trên những tin đồn, những thêu dệt và những nghi kỵ… Những tin đồn, những sự vụng về, những sự lợi dụng tôn giáo của một số người đã gieo rắc thêm sự sợ hãi và khiến người ta thêm khép kín. Chính những người tiến bộ nhất trong Công giáo và Phật giáo cũng có khi không tránh thoát những ảnh hưởng sợ hãi nghi ngờ đó. Người Phật tử sợ người tín hữu Công giáo ủng hộ dư Đảng cần lao để trả thù họ. Và người Công giáo sợ người Phật tử nuôi ý định bài trừ Công giáo" (8).

Ở một đoạn khác trong bức thư trên Hoà thượng cho rằng những người lãnh đạo các tôn giáo sẽ ngồi lại với nhau vì đại cục chung: "Những vị lãnh đạo tinh thần đích thực của các tôn giáo, tôi tin chắc là những người có lương tri. Họ sẽ không bị đô la Mỹ mua chuộc như những kẻ khác. Họ sẽ không thể nào chịu đựng được sự phá sản về nhân mạng, về văn hóa dân tộc, về giá trị con người một sự phá sản càng ngày càng kém trọng. Tôi tin chắc họ sẽ nắm chặt tay nhau bất chấp mọi sự phản đối của những kẻ đang sống trên sự đau khổ của đồng bào… Các tôn giáo ở Việt Nam nắm tay nhau thì sức mạnh đó vừa giúp cho dân tộc chặn đứng được chiến tranh, vừa có thể tạo nên cuộc đối thoại cần thiết giữa những người cùng một nòi giống, để sắp đặt lấy việc nhà, loại bỏ mảng hưởng không chế ngoại quốc" (9). Đoạn thư trên của Hòa thượng Thích Nhất Hạnh cho thấy ông đã nhìn thấy được vai trò của các chức sắc đứng đầu của các tổ chức tôn giáo ở miền Nam Việt Nam trong vấn đề tìm một giải pháp cho các mâu thuẫn nội bộ giữa họ sau tháng 11-1963. Điều này sẽ tạo ra sự gắn kết hòa giải giữa các thành phần tôn giáo. Hơn nữa đoạn thư trên còn cho thấy Hòa thượng đã nhìn xa hơn về vai trò của các tôn giáo, nhất là những vị lãnh đạo các giáo hội tôn giáo, trong việc tìm kiếm kiến tạo một hòa bình ở miền Nam Việt Nam sau những năm xáo trộn từ 1963-1966. Vai trò đó thể hiện ở việc các tôn giáo có thể tham góp vào sức mạnh đẩy lùi chiến tranh, tạo hòa giải, và đặc biệt tạo ra sức mạnh đoàn kết thoát khỏi ảnh hưởng của ngoại quốc.

Thực ra trong suốt cuộc khủng hoảng tôn giáo tại miền Nam Việt Nam những năm 1963-1964, Phật giáo đã không ngừng nhấn mạnh trong lời tuyên bố cũng như trong hành động rằng, họ không chống đối người Công giáo, mà chỉ chống đối chính phủ đang dựa trên tôn giáo để theo đuổi những mục đích hoàn toàn chính trị, và bằng cách này hay cách khác, những chính phủ tạo ra một sự kỳ thị tôn giáo.

Cũng rất may mắn cho giáo hội Công giáo miền Nam, đúng vào lúc khủng hoảng chính trị mà có những nguyên nhân từ tôn

giáo thì Công đồng Vatican II lại đưa ra những quan điểm cởi mở so với trước đó về đối thoại liên tôn giáo, đặc biệt là những tôn giáo ngoài Kito giáo. Tinh thần này đã được nhanh chóng triển khai vào miền Nam Việt Nam nhất là trung tâm Sài Gòn với vai trò nổi bật của Tổng giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình.

Ngay sau biến cố Phật giáo năm 1963 tại miền Nam Việt Nam, một Ủy ban Liên tôn giáo đã được thành lập vào năm 1964, do sáng kiến của các giám mục, nhanh chóng được các tôn giáo khác ủng hộ và tham gia. Mục đích của Ủy ban nhằm tìm kiếm hòa bình giữa các tôn giáo và chấm dứt chiến tranh tại Việt Nam. Ngày 15-9-1966, Giáo hoàng Phaolô VI đã gửi một sứ điệp khích lệ Hội đồng liên tôn giáo này (10).

Hồ sơ lưu trữ cho biết mục đích của Ủy ban Liên lạc tôn giáo ban đầu chỉ có hai tổ chức tôn giáo là Công giáo và Phật giáo, họ gặp nhau thành lập Ủy ban nhằm: xác định những giá trị tinh thần của các tôn giáo, để đối phó với tình trạng hiểu lầm do ngoại cảnh gây nên, giáo quyền tối cao của Phật giáo và Công giáo tại Việt Nam đã thỏa thuận thành lập một Ủy ban Liên lạc tôn giáo được thành lập theo văn thư ngày 22 tháng 8 năm 1964 của Tổng giám mục Sài Gòn Phaolô Nguyễn Văn Bình và văn thư số 2178 ngày 26 - 8 - 1964 của Thượng tọa Thích Tâm Châu, Viện trưởng Viện hóa Đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất. Tuyên cáo thành lập giữa Công giáo và Phật giáo ngày 2-9-1964 cho biết một số nội dung sau:

"- Ủy ban có trách nhiệm liên lạc để giải quyết kịp thời những hiểu lầm giữa hai tôn giáo.

- Tuyệt đối tránh những hành động có tính cách khiêu khích phản tinh thần tôn giáo và tuyệt đối tốt hành kỷ luật quốc gia (ý nói tuân thủ các pháp luật hiện hành của chính quyền miền Nam giai đoạn này).

- Ủy ban Lên lạc tôn giáo hoàn toàn không chịu trách nhiệm về những hành động phạm pháp của giáo dân hay Phật tử, theo tinh thần hay bản Thông cáo ngày 28 - 8 - 1964 của Tòa Tổng Giám mục Sài Gòn và Viện Hóa Đạo.

- Ủy ban Liên lạc tôn giáo yêu cầu bộ thông tin và các cơ quan ngôn luận thông cảm và dè dặt trong việc loan những tin tức liên quan tới hai tôn giáo nhất là những tin tức làm cho dân chúng hiểu lầm đôi bên và có hại cho tinh thần đoàn kết.

- Trụ sở của ủy ban liên lạc tôn giáo tạm đặt tại số 104 đường Hai Bà Trưng Sài Gòn (11).

Đến ngày 8-9-1964, Ủy ban Liên lạc Tôn giáo mời thêm đạo Cao Đài và Phật giáo Hoà Hảo tham gia Ủy ban. Cuộc họp tại số 104 đường Hai Bà Trưng của đại diện 4 tổ chức này đã ra một Tuyên ngôn với mục đích sau:

"Tạo hòa khí và thông cảm giữa các tôn giáo.

Tìm hiểu và trao đổi giáo lý, văn hóa, kinh nghiệm tổ chức.

Giải quyết mọi hiểu lầm do ngoại cảnh gây nên".

Ngoài ra tuyên ngôn cũng cho biết ủy ban này còn "xác nhận giá trị tinh thần của các tôn giáo; Đoàn kết tôn giáo trên tinh thần bình đẳng để phụng sự quốc gia dân tộc; Tán thành mọi chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng và công bằng xã hội; Ủy ban Liên lạc tôn giáo hoạt động độc lập trên lĩnh vực thuần túy tôn giáo và tuyệt đối tôn trọng kỉ luật quốc gia; Trân trọng kêu gọi các giáo hội có tư cách pháp nhân tại Việt Nam hưởng ứng bản tuyên ngôn này và gia nhập ủy ban để thực hiện những mục tiêu trên" (12).

Để giảm thiểu hơn nữa sự va chạm giữa Công giáo và Phật giáo, ngày 6 - 10 - 1964 tại Văn phòng Quốc vụ Khanh số 152 đường Công Lý Sài Gòn có sự tham dự đại diện của Viện Hóa Đạo và Tòa Tổng Giám mục Sài Gòn. Trong một bầu không khí thân mật và cởi mở, hai tôn giáo và các thành viên trong Ủy ban Liên lạc tôn giáo đã thống nhất hành động như sau:

"Khuyến cáo tín đồ các giáo hội trong mọi việc hành động phải đợi lệnh của trung ương. Nếu nơi nào có biến động phải lập tức báo cáo ngay cho cơ quan an ninh gần nhất để kịp thời dàn xếp.

Ủy ban Liên lạc tôn giáo sẽ mở một cuộc họp báo tại Sài Gòn trong một ngày gần nhất và sau đó sẽ diễu hành khắp các quận trong Đô thành Sài Gòn và các tỉnh cho toàn quốc để giải thích cho đồng bào hiểu rõ nguyện vọng của Giáo hội trên tinh thần đoàn kết, và thành lập mỗi nơi một Ủy ban Liên lạc tôn giáo địa phương" (13).

Ngày 12-1-1965, Ủy ban Liên lạc tôn giáo ra một lời hiệu triệu cho toàn thể tín đồ các tôn giáo, nhấn mạnh tới tinh thần đoàn kết tôn giáo để xây dựng cộng đồng quốc gia. Lời hiệu triệu cho rằng: Đoàn kết là điều kiện duy nhất cho Quốc gia và tôn giáo trường tồn. Đoàn kết là sống chia rẽ là chết. Sự đoàn kết quốc gia được thực hiện thì bắt đầu bằng việc đoàn kết tôn giáo. Ủy ban Liên lạc tôn giáo kêu gọi gọi toàn thể tín hữu Đồng Tâm Nhất trí tạo nên một khối đại đoàn kết thật sự trong một cộng đồng quốc gia thịnh đạt (14).

Đến ngày 30-06-1965, Ủy ban Liên lạc tôn giáo được thay thế bằng Hội đồng Tôn giáo. Thành phần của Hội đồng Tôn giáo, ngoài 4 tôn giáo chính có thêm tổ chức thứ 5 là Tôn giáo Baha'i (15). Hội đồng Tôn giáo chủ trương tự do và bình đẳng tôn giáo và hoạt động độc lập thuần túy trên lĩnh vực tôn giáo (16).

Tại sao tinh thần đối thoại liên tôn giáo ở miền Nam Việt Nam sớm vậy, thậm chí khi Công đồng Vatican II chưa kết thúc? Theo chúng tôi có mấy lý do chính sau đây: *Thứ nhất*, do bối cảnh của biến cố Phật giáo năm 1963 đã đòi hỏi một nhu cầu hòa giải đối thoại từ phía Công giáo. *Thứ hai*, tinh thần Công đồng Vatican II lan tỏa khá sớm vào miền Nam và được phổ biến bởi một số linh mục và trí thức Công giáo sống trực tiếp trong tinh thần đó. *Thứ ba*, do sự ủng hộ của Tổng Giám mục Sài Gòn Nguyễn Văn Bình.

Nhìn chung với sự ôn hoà của Tổng giám mục Nguyễn Văn Bình và sự chỉ đạo về việc không tham gia trực tiếp vào các vấn đề chính trị, người Công giáo miền Nam Việt Nam đã tìm ra một cách ứng xử có tính chất hài hoà hơn so với giai đoạn trước đó. Cũng từ đó Ủy ban Liên lạc tôn giáo và Hội đồng Tôn giáo được thành lập nhằm hoà giải những khúc mắc lịch sử giữa hai tôn giáo lớn này ở miền Nam Việt Nam. Cũng từ đây vai trò của Ủy ban Liên lạc tôn giáo tạo ra việc đòi hỏi các chính phủ phải chú trọng tới việc bình đẳng tôn giáo và tự do tôn giáo. Thực ra, người Công giáo dường như chỉ khúc mắc với người Phật tử sau sự kiện đảo chính cuối năm 1963, còn đối với các tôn giáo khác như Cao Đài, Hoà Hảo, Baha'i, người Công giáo có mối quan hệ khá ôn hoà.

Ngoài việc ứng xử với các tôn giáo trong vấn đề chính trị, từ khi tinh thần Công đồng Vatican II vào miền Nam Việt Nam, người Công giáo cũng chú ý đối thoại với các tôn giáo và tín ngưỡng khác tại miền Nam Việt Nam, đặc biệt là trong vấn đề hội nhập văn hoá Công giáo với văn hoá dân tộc.

Đến đầu thập niên 70 của thế kỷ XX, trong phong trào Hưng Giáo Văn Đông tại Sài Gòn, một phong trào khơi dậy các yếu tố văn hóa phương Đông và nhập thể Công giáo vào nếp sống tư tưởng Việt Nam, do Linh mục Hoàng Sỹ Quý khởi xướng đã thúc đẩy thêm phong trào đối thoại liên tôn giáo tại miền Nam Việt Nam. Thực sự đây là một sự nhạy bén nhanh chóng nhằm cổ vũ cho việc hội nhập của Công giáo vào văn hóa Việt Nam trong bối cảnh phải đối diện với sự đa dạng của các tôn giáo, tín ngưỡng trên đất Việt. Những sáng kiến của Linh mục Hoàng Sỹ Quý được một số nhân vật danh tiếng trong giáo quyền và trong thần học quốc tế như nhà thần học Henri De Lubac ủng hộ. Ngoài ra, những tuần tĩnh tâm bằng phương pháp phương Đông của vị linh mục này trong một số tu viện cũng rất được hoan nghênh. Phong trào Hưng Giáo Văn Đông đã mở nhiều lớp như lớp Triết giáo (Triết lý đối chiếu tôn giáo) và Thời Việt (Thời đại và Việt tính). Đặc biệt, đến năm 1971, vị linh mục này đã xuất bản cuốn sách *Vấn đề đối thoại tôn giáo* được Tổng Giám mục Sài Gòn Nguyễn Văn Bình viết đề tựa. Tập sách này là một trong những bài giảng giá trị của những lớp kể trên. Trong đó, Linh mục Hoàng Sỹ Quý muốn xây dựng việc đối thoại tôn giáo một căn bản thần học vững chắc, và muốn rằng, việc đối thoại ấy phải được thực hiện ngay trên những bình diện tôn giáo (17).

*

Có thể nói, Công giáo và Phật giáo là hai tôn giáo có ảnh hưởng chính trị lớn và sâu rộng tại miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975. Cục diện chiến tranh đã đẩy các tôn giáo này vào những tình thế không mong muốn. Tuy nhiên trên một tinh thần đối thoại và hoà đồng giữa Công giáo và Phật giáo, khi các sự kiện chính trị qua đi, các tôn giáo này đã nghĩ tới một xu hướng đối thoại, hoà giải để tìm về những giá trị tôn giáo đích thực bên ngoài những sự kiện chính trị mà dù muốn hay không nó đã làm các tôn giáo này bị ảnh hưởng hay cuốn theo.

CHÚ THÍCH

(1). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, *Hồ sơ về hoạt động của Nha tuyên úy quân đội Việt Nam Cộng Hòa 1960-1963*; Hồ sơ số: 21763; Phông Phủ Thủ tướng, Đệ nhất Cộng Hòa.

(2). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, *Tập tài liệu của Văn phòng Phủ tổng thống về những buổi lễ cầu nguyện được tổ chức đồng thời tại nhà thờ Đức Bà, Chùa Phật giáo, Nhà Thờ Tin Lành những năm 1956-1963*; Hồ sơ số: 17906; Phông Phủ Tổng thống, Đệ nhất Cộng Hòa.

(3). Nguyễn Nghị, *Công giáo Sài Gòn giai đoạn 1954-1975*, Tài liệu chưa xuất bản, 1997, tr.50.

(4). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, *Người trí thức Công giáo trước tình hình giáo hội và Tổ quốc Việt Nam*. Hồ sơ số 4140, phông Đệ nhị Cộng hòa.

(5). Xem: Nguyễn Thị Việt, *Khủng hoảng chính trị năm 1963 - Phật giáo bị đàn áp đẫm máu tại Sài Gòn*. Tạp chí *Văn thư Lưu trữ Việt Nam*, số 10, 2010.

(6). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, *Hồ sơ về việc tịch thu tài sản của Ngô Đình Diệm và các thuộc hạ năm 1963. Tập 15: Tịch thu tài sản của Ngô Đình Cẩn, Ngô Đình Thục*. Hồ sơ số 28551; hộp số 23; phông Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng Hòa.

(7). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, *Người trí thức Công giáo trước tình hình giáo hội và Tổ quốc Việt Nam*. Hồ sơ số 4140, phông Đệ nhị Cộng hòa.

(8), (9). Nguyễn Ngọc Lan, *Chứng từ năm năm: Hòa bình cho quê hương*, Nxb. Trình Bầy, 1967, tr. 14-16.

(10). Linh mục Bảo Lộc, "*Mục vụ đối thoại liên tôn", trong Tinh thần Assisi*, Kỷ yếu hội thảo tại Trung tâm Mục vụ Sài Gòn, ngày 27-17-2011, lưu hành nội bộ, tr. 110.

(11). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, *Tuyên cáo của Ủy ban liên lạc Tôn giáo ngày 2-9-1964*. Hồ sơ 29538, Phông Phủ Thủ tướng.

(12). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, *Tuyên ngôn của Ủy ban liên lạc Tôn giáo ngày 8-9-1964*. Hồ sơ 29538, Phông Phủ Thủ tướng.

(13). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, *Thông cáo của Ủy ban Liên Bộ Tôn Giáo Vụ ngày 6-10-1964*. Hồ sơ 29538, Phông Phủ Thủ tướng.

(14). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, *Hiệu triệu của Ủy ban Liên Bộ Tôn Giáo Vụ ngày 12-01-1965*. Hồ sơ 29538, Phông Phủ Thủ tướng.

(15). Đạo Baha'i ra đời tại Ba Tư cũ (nay là Iran) năm 1863, được sáng lập bởi Mirza Husayn Ali (1817-1892). Đây là tôn giáo độc thần, thờ duy nhất Thượng đế. Việc truyền bá tôn giáo Baha'i được vào Việt Nam đã được tính đến từ những năm 20 của thế kỷ XX, nhưng phải đến năm 1954, nhóm Baha'i đầu tiên ở Việt Nam mới được hình thành tại Sài Gòn. Vào thời điểm này Việt Nam là quốc gia thứ 151 có sự hiện diện của Baha'i. Trên cơ sở phát triển được một số tín đồ nhất định, ngày 21 tháng 4 năm 1955, *Hội đồng tinh thần* địa phương đầu tiên của Baha'i Việt Nam (cơ cấu tổ chức giáo hội) được thành lập tại Sài Gòn, gồm 9 thành viên, văn phòng đặt tại số 88, Bonard-Sài Gòn (nay là đường Lê Lợi-thành phố Hồ Chí Minh). *Hội đồng tinh thần này* được chế độ Việt Nam Cộng hòa ban hành nghị định chính thức công nhận ngày 20-9-1955. Đến thời điểm tháng 6-1958, cộng đồng tôn giáo Baha'i ở Việt Nam đã xây dựng được 4 trung tâm Baha'i (giảng đường) tại Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Phước Long và Trừng Giang. Đến năm 1960 lại xây dựng thêm được một số giảng đường ở Nhà Bè và Sài Gòn. Năm 1964, cộng đồng tôn giáo Baha'i ở Việt Nam (miền Nam) tiến hành "đại hội toàn quốc" lần đầu tiên, bầu cử *Hội đồng tinh thần* Tôn giáo Baha'i cấp quốc gia với nhiệm kỳ 1 năm.

Ngày 14-7-2008, cộng đồng tôn giáo Baha'i được chính thức công nhận tổ chức tôn giáo tại Quyết định số 150/QĐ-TGCP của Ban Tôn giáo Chính phủ với tên gọi *Hội đồng tinh thần Baha'i Việt Nam*. Đường hướng hoạt động của đạo là: "Tuân thủ luật pháp đất nước mình sinh sống, coi các tôn giáo khác như anh em trong một gia đình, xây dựng sự thống nhất trong đa dạng, phấn đấu phụng sự vì mục đích nhân loại". Ngày nay, đạo Baha'i đã phát triển ra Hà Nội và một số tỉnh miền Bắc, như Phú Thọ, Nam Định, Bắc Giang, Sơn La, Hòa Bình, Hải Phòng,... Tính đến năm 2021, tín đồ tôn giáo Baha'i đã có mặt ở 45 tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương của Việt Nam, với số lượng chức việc là hơn 300 người. Tuy nhiên, số liệu về số lượng tín đồ trong cả nước lại chưa thực thống nhất, theo ước tính của Ban Tôn giáo Chính phủ hiện nay số tín đồ Baha'i ở Việt Nam khoảng trên 7.000 người. Hiện nay Baha'i là một trong 16 tôn giáo ở Việt Nam được công nhận tư cách pháp nhân.

(16). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, *Quyết Nghị của Hội đồng Tôn giáo ngày 30-06-1965*. Hồ sơ 29538, Phông Phủ Thủ tướng.

(17). Ngô Quốc Đông, *Đối thoại liên tôn giáo từ Công đồng Vatican II*, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11-2013, tr. 78.